

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2021/DS-ST**
Ngày: 14-6-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt
2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2020/TLST- DS, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2020/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2021/QĐST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A. Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Do bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức D - Giám đốc; bà Hồ Thị Tuyết M - Phó Giám đốc, Trung tâm thẻ Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A (Theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL, ngày 05/5/2020 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực thẻ của Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A).

Bà Hồ Thị Tuyết M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Trung Q - Nhân viên Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A (Theo giấy ủy quyền số 502/2020/UQ-TTT, ngày 01/10/2020 của Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A).

Bị đơn: Bà Nguyễn Đặng Minh Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khóm Đ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trung Q có mặt; ông Phạm Đức D, bà Nguyễn Đặng Minh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 23/8/2012, bà Nguyễn Đặng Minh Th có ký với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Th ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Th đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 24.170.000đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà Th đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 43.600.000đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ vào điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/9/2017 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/7/2020 bà Th còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 4.077.040đồng;
 - Lãi quá hạn: 5.294.552đồng;
- Tổng cộng là 9.371.592đồng.

Mặc dù ngân hàng đã yêu cầu bà Th có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, bà Th vẫn không thanh toán các khoản vay cho ngân hàng. Bà Th đã vi phạm các điều khoản quy định theo hợp đồng đã ký.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc bà Nguyễn Đặng Minh Th phải trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2020 là 9.371.592đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.077.040đồng và lãi quá hạn là 5.294.552đồng.

2/ Bà Nguyễn Đặng Minh Th có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 26/7/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Đặng Minh Th không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến

ngày 09/6/2021 là 10.997.216đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.077.040đồng và lãi quá hạn là 6.920.176đồng. Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh từ ngày 10/6/2021 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Ngân hàng căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/8/2012 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, được ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Đặng Minh Th để yêu cầu bà Th trả nợ gốc, lãi quá hạn và lãi phát sinh chưa thanh toán cho Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 474, Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên, căn cứ vào Tóm tắt sao kê của Ngân hàng, nhận thấy đối với phương cách tính thanh toán (Điều 20 của hợp đồng) giữa Ngân hàng và khách hàng sử dụng thẻ tín dụng là khi khách hàng có phát sinh giao dịch (sử dụng tiền trong thẻ) và thanh toán tiền nợ lại cho Ngân hàng với số tiền tương ứng đã sử dụng và số tiền khách hàng chưa thanh toán sẽ chuyển tiếp qua nợ kỳ sau được thể hiện thông qua bảng Tóm tắt sao kê của Ngân hàng cung cấp. Nhận thấy, kỳ giao dịch mà bà Th không thanh toán hoặc có thanh toán nhưng còn nợ thì Ngân hàng cộng tiền nợ gốc với phí, lãi phát sinh của kỳ trước chuyển sang thành nợ đầu kỳ (nợ gốc) của kỳ sau và tiếp tục tính lãi trên số nợ đầu kỳ này. Như vậy, cho thấy số tiền mà Ngân hàng yêu cầu phía bà Th phải trả cho đến cuối kỳ với nợ gốc 4.077.040đồng (tạm tính đến 15/12/2020) là không chính xác vì số tiền này đã bao gồm tiền phí và lãi phát sinh của mỗi kỳ phía trước đó.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngọc trả cho ngân hàng số tiền nợ bao gồm vốn gốc ban đầu mà bị đơn đã vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất trên vốn gốc ban đầu. Không chấp nhận đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu tạm tính vượt quá như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Th bằng phương thức niêm yết công khai tại địa chỉ số khóm Đ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang. Đây là địa chỉ nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ nơi cư trú của bà Th theo hợp đồng đã ký. Tại biên bản xác minh ngày 29/01/2021 của Công an phường Mỹ Xuyên xác định “*Đương sự Nguyễn Đặng Minh Th, sinh năm 1973. Có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khóm Đ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang*”. Bà Th vắng mặt tại địa chỉ này nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của mình nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Bà Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân Hàng TMCP A yêu cầu bà Nguyễn Đặng Minh Th trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2021 là 10.997.216đồng của thẻ tín dụng số 970403-7950 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/8/2012. Trong đó: Nợ gốc là 4.077.040đồng và lãi quá hạn là 6.920.176đồng.

Đối với quá trình giao dịch rút tiền, trả lãi, phí và gốc của bà Th được thể hiện qua các “Tóm tắt sao kê”: Ngày 25/7/2020 (kèm theo đơn khởi kiện); ngày 15/12/2020 (kèm theo văn bản số 115 ngày 20/3/2021 của Ngân hàng); tại phiên tòa ngày 19/5/2021 và ngày 09/6/2021 đều xác định số tiền gốc tính đến thời điểm bà Th ngưng thanh toán và Ngân hàng có thông báo yêu cầu thanh toán nếu không sẽ chuyển sang nợ quá hạn là 5.404.808đồng.

Tuy nhiên, sau đó Ngân hàng lại cộng cả số tiền lãi và phí hàng tháng bà Th không thanh toán để xác định là dư nợ đầu kì để tiếp tục tính lãi của cả nợ gốc, phí và lãi chưa thanh toán của kì trước là không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xác định số nợ gốc bà Th giao dịch còn nợ lại đến thời điểm ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn là 5.404.808đồng.

Đối với tiền phí trễ hạn bà Th còn nợ lại từ ngày 22/7/2017 đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 22/9/2017 Ngân hàng tự nguyện giảm cho bị đơn. Việc tự

nguyên này của ngân hàng có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà Th không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì bà Th còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín mà bà Th đã ký với Ngân hàng.

Đối với tiền lãi trong hạn: Từ ngày 23/6/2017 đến ngày 22/9/2017 là 92 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng; nợ gốc là 5.404.808đồng.

Tiền lãi trong hạn: $5.404.808\text{đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} \times 92 \text{ ngày} = 414.369\text{đồng}$

Sau khi chuyển nợ quá hạn thì bà Th có thanh toán thêm được 2.000.000đồng vào ngày 22/10/2017.

Tại Văn bản số 115, ngày 20/3/2021 mà Ngân hàng gửi cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng đều xác định kể từ ngày vi phạm hợp đồng số tiền thanh toán sẽ ưu tiên thanh toán theo thứ tự trừ vào nợ gốc trước, hết gốc sẽ trừ tiếp vào số tiền lãi. Do đó, số tiền 2.000.000đồng bà Th thanh toán sau khi vi phạm Hội đồng xét xử sẽ trừ vào nợ gốc 5.404.808đồng. Số tiền nợ gốc bà Th còn nợ lại là 3.404.808đồng.

Số tiền lãi quá hạn bà Th còn phải thanh toán cho Ngân hàng là:

- Từ ngày 23/9/2017 đến ngày 22/10/2017 là 30 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3,75%/tháng; nợ gốc là 5.404.808đồng.

Tiền lãi: $5.404.808\text{đồng} \times 3,75\%/\text{tháng} \times 30 \text{ ngày} = 202.680\text{đồng}$

- Từ ngày 23/10/2017 đến ngày 14/6/2021 là 1331 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3,75%/tháng; nợ gốc là 3.404.808đồng.

Tiền lãi: $3.404.808\text{đồng} \times 3,75\%/\text{tháng} \times 1331 \text{ ngày} = 5.664.749\text{đồng}$

Tổng số tiền lãi quá hạn bà Th phải trả là: 5.867.429đồng

Tổng số tiền gốc và lãi bà Th phải trả là: 9.686.606đồng. Trong đó: Nợ gốc 3.404.808đồng; lãi trong hạn 414.369đồng; lãi quá hạn 5.867.429đồng.

Do theo quy định pháp luật số tiền gốc và lãi bà Th phải trả cho Ngân hàng là 9.686.606đồng nên đối với yêu cầu trả số tiền 10.997.216đồng của Ngân hàng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần là 9.686.606đồng; yêu cầu buộc bà Th trả thêm số tiền chênh lệch 1.310.610đồng của Ngân hàng không được chấp nhận.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải nộp theo quy định pháp luật. Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP A: Buộc bị đơn bà Nguyễn Đặng Minh Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại của thẻ tín dụng số 970403-7950 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/8/2012 là 9.686.606đồng (Chín triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng) (Làm tròn số: 9.687.000đồng) Trong đó: Nợ gốc 3.404.808đồng (Ba triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm lẻ tám đồng); lãi trong hạn 414.369đồng (Bốn trăm mười bốn nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng); lãi quá hạn 5.867.429đồng (Năm triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày 15/6/2021 bà Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP A đối với yêu cầu buộc bà Th trả số tiền 1.310.610đồng (Một triệu, ba trăm mười nghìn, sáu trăm mười đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Th phải nộp 484.000đồng (Bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hàng TMCP A phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 234.000đồng (Hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009248, ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Ngân Hàng TMCP A còn phải nộp thêm 66.000đồng (Sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bà Nguyễn Đăng Minh Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Bé Thu